

## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

### (Áp dụng cho trường hợp Khách hàng cá nhân vay trả góp)

#### Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “*Nợ gốc*” là số nợ mà Ngân hàng đã cho Bên vay vay ban đầu.
- 1.2. “*Nợ vay*” bao gồm *Nợ gốc* và tiền lãi, phạt, bồi thường thiệt hại và các khoản phí phát sinh khác (nếu có).
- 1.3. “*Kỳ thanh toán Nợ vay*” là ngày hoặc khoảng thời gian cụ thể do Ngân hàng quy định theo Hợp đồng để Bên vay thanh toán *Nợ vay*.
- 1.4. “*Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ*” là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ *nợ gốc* và/hoặc *lãi vay* trong thời hạn cho vay, mà kỳ trả nợ cuối cùng không thay đổi.
- 1.5. “*Gia hạn nợ*” là việc Ngân hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả *Nợ gốc* và / hoặc *lãi vốn* vay vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.
- 1.6. “*Cơ cấu lại thời hạn trả nợ*” là việc Ngân hàng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn *Nợ vay* đối với khoản vay của Bên vay.
- 1.7. “*Lãi suất quá hạn*”: là *lãi suất* dùng để tính *lãi quá hạn* và tính trên dư *nợ gốc* bị *quá hạn* tương ứng với thời gian chậm trả.
- 1.8. Bên vay nhận *nợ vay* bằng loại tiền tệ nào thì trả *nợ gốc*, *lãi vay* bằng loại tiền tệ đó.

#### Điều 2. Phương thức trả *Nợ gốc* và *lãi vay*

- 2.1. Số tiền được tính cho một kỳ thanh toán như sau:
  - Số tiền thanh toán cho một kỳ = (*Nợ gốc* + số tiền *lãi* cho vay)/Số kỳ trả góp.
  - Trong đó: Số tiền *lãi* cho vay = *Nợ gốc* x *Lãi suất* cho vay (%/năm) x Thời hạn cho vay (năm).

- 2.2. Khi đến hạn thanh toán được quy định theo mà Bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ *nợ gốc* và/hoặc *lãi tiền* vay, ngoài số tiền của kỳ thanh toán, Bên vay còn phải trả *lãi quá hạn* như sau:

**Số tiền *lãi quá hạn* = (Số *Nợ gốc* trễ hạn x 150% *lãi suất* trong hạn) x số ngày trễ hạn)/365**

- 2.3. Sau 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán hoặc khi hết thời hạn cho vay mà Bên vay vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ *Nợ vay* và không được Ngân hàng chấp thuận cơ cấu thời hạn trả nợ, thì Ngân hàng có quyền chuyển toàn bộ *Nợ gốc* của Hợp đồng này sang *nợ quá hạn* và Bên vay phải chịu *lãi suất quá hạn* theo quy định kể từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn thanh toán hoặc khi hết thời hạn cho vay.

- 2.4. Trường hợp ngày trả *Nợ gốc* và/hoặc *lãi* trùng vào ngày chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, thì ngày đến hạn trả *Nợ gốc* và/ hoặc *lãi* vay sẽ là ngày liền kề sau đó.

- 2.5. Ngân hàng được quyền điều chỉnh *lãi suất* cho vay trong hạn do yêu cầu biến động *lãi suất* phù hợp với cơ chế điều hành *lãi suất* của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật mà không cần có sự đồng ý bằng văn bản của Bên vay. Khi điều chỉnh *lãi suất*, Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên vay và thông báo này là một bộ phận không tách rời của Điều khoản này. Thông báo của Ngân hàng được gửi đi đồng nghĩa với việc Bên vay đã chấp nhận mức *lãi suất* mà Ngân hàng điều chỉnh.

- 2.6. Nguyên tắc và các yếu tố xác định *lãi suất*, thời điểm xác định *lãi suất* cho vay được thực hiện theo quy định của Ngân hàng

- 2.7. Đối với khoản *nợ* vay bị *quá hạn* trả *nợ*, Ngân hàng thực hiện theo thứ tự thu *nợ gốc* trước, *nợ* tiền *lãi* vay thu sau.

#### Điều 3. Thanh lý trước hạn:

- 3.1. Trường hợp Bên vay có yêu cầu trả *Nợ* vay trước hạn và được Ngân hàng đồng ý, các Bên tiến hành tất toán *Nợ* vay một lần và theo đó, Bên vay phải trả tiền góp cho kỳ thanh toán hiện tại, đồng thời còn chịu phí thanh lý trước hạn:

**Số tiền thanh lý trước hạn = Dư *nợ gốc* thanh lý trước hạn + Phí thanh lý trước hạn.**

- ✓ Số tiền *lãi* cho vay = Số tiền cho vay \* *Lãi suất* \* Thời hạn vay
- ✓ Số tiền *lãi* thu 01 kỳ = Số tiền *lãi* cho vay / Tổng số kỳ góp
- ✓ Số tiền *lãi* đã thanh toán = Số tiền *lãi* thu 01 kỳ \* Số kỳ đã trả
- ✓ Số tiền *gốc* đã thanh toán = Số tiền khách hàng đã thanh toán – Số tiền *lãi* đã thanh toán
- ✓ Dư *nợ gốc* thanh lý trước hạn = Số tiền *gốc* cho vay – Số tiền *gốc* đã thanh toán
- ✓ Phí thanh lý trước hạn = Dư *nợ gốc* thanh lý trước hạn \* Tỷ lệ phí thanh lý trước hạn.

- 3.2. Trường hợp vào ngày thanh toán định kỳ, đồng thời Bên vay có yêu cầu thanh lý trước hạn được quy định tại khoản 3.1 điều này, Bên vay phải trả tiền góp cho kỳ thanh toán hiện tại trước khi thanh lý. Nếu ngày thanh lý không trùng vào ngày thanh toán định kỳ, thì số tiền phải trả cho kỳ thanh toán hiện tại được làm tròn lên thành một kỳ.

#### Điều 4. Hủy bỏ Hợp đồng và thu hồi *nợ* vay trước hạn, chấm dứt việc cho vay

- 4.1. *Hủy bỏ Hợp đồng*: Ngân hàng có quyền hủy bỏ Hợp đồng trong trường hợp đã duyệt cho Bên vay

- vay, chưa giải ngân nhưng phát hiện Bên vay đã cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật.
- 4.2. *Thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt việc cho vay*: Ngân hàng được quyền thu hồi Nợ vay trước hạn và chấm dứt việc cho vay khi Bên vay đã nhận tiền vay và xảy ra một trong các trường hợp sau:
- 4.2.1. Ngân hàng phát hiện bất kỳ thông tin, tài liệu nào do Bên vay đã cung cấp sai sự thật;
- 4.2.2. Bên vay vi phạm Hợp đồng vay/Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, và những phụ lục của các hợp đồng này;
- 4.2.3. Bên vay chết mà người thừa kế không được Ngân hàng chấp thuận hoặc không có người thừa kế;
- 4.2.4. Bên vay chuyển địa chỉ đến địa điểm mới, không cùng thành phố/ tỉnh hoạt động của Ngân hàng;
- 4.2.5. Bên vay không thông báo kịp thời cho Ngân hàng những sự kiện phát sinh hoặc thay đổi có ảnh hưởng hoặc đe dọa an toàn của vốn vay;
- 4.2.6. Bên vay gặp khó khăn về tài chính và ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ cho Ngân hàng;
- 4.2.7. Một hoặc một số khoản vay của Bên vay chuyển sang nợ quá hạn mà theo nhận định của Ngân hàng Bên vay có nguy cơ không có khả năng trả nợ;
- 4.2.8. Bên vay bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi hoặc bị hạn chế năng lực hành vi hoặc bị khởi tố/ truy tố/ xét xử về mặt hình sự;
- 4.2.9. Bên vay có liên quan đến bất kỳ vụ kiện nào mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;
- 4.2.10. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.3. Khi Ngân hàng có được thông tin về bất kỳ trường hợp nào nêu từ Mục 4.2.1 đến Mục 4.2.10 Điều này, Ngân hàng sẽ gọi thông báo cho Bên vay về việc thu hồi Nợ vay trước hạn và chấm dứt cho vay. Bên vay có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số Nợ vay cho Ngân hàng trong thời hạn đã nêu trong thông báo. Hết thời hạn thanh toán được ghi trong thông báo, Bên vay chưa thanh toán hết Nợ vay, Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ Nợ gốc của Hợp đồng sang nợ quá hạn; áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Khoản 5.2 mục 5 của Hợp đồng; tiến hành các biện pháp để thu hồi nợ. Trường hợp Bên vay có nhiều hợp đồng vay tại Ngân hàng, toàn bộ Nợ vay của các Hợp đồng khác cũng sẽ chuyển sang nhóm nợ tương ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Điều 5. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**
- 5.1. Khi đến hạn trả nợ vay đã được thỏa thuận tại Hợp đồng này, nếu Bên vay không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn hoặc không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay thì Bên vay lập văn bản đề nghị điều chỉnh thời gian trả nợ hoặc gia hạn thời gian cho vay để Ngân hàng xem xét giải quyết. Văn bản đề nghị phải gửi cho Ngân hàng tối thiểu trước 10 ngày tính đến ngày đến hạn trả nợ vay. Ngân hàng chỉ cơ cấu thời hạn trả nợ trong những trường hợp được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản.
- 5.2. Trong trường hợp Bên vay có nhiều hợp đồng vay tại Ngân hàng, khi có một hợp đồng vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, toàn bộ Nợ vay của các Hợp đồng khác cũng sẽ chuyển sang nhóm nợ tương ứng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng**
- 6.1. Yêu cầu Bên vay cung cấp những tài liệu chứng minh khả năng tài chính của Bên vay và những thông tin cần thiết để Ngân hàng thẩm định, xét duyệt, kiểm tra, giám sát vốn vay Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên vay.
- 6.2. Hủy bỏ cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt việc cho vay theo quy định tại Điều 4.
- 6.3. Trích tiền từ tài khoản tiền gửi của Bên vay nếu Bên vay có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng để thu Nợ vay, tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng và Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng mà không cần sự đồng ý của Bên vay.
- 6.4. Áp dụng các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.
- 6.5. Thông báo cho bên vay về việc hủy bỏ hợp đồng, thu hồi nợ trước hạn, chuyển nợ quá hạn.
- 6.6. Tùy trường hợp cụ thể và mức độ vi phạm của bên vay, Ngân hàng được quyền quyết định việc phạt vi phạm hợp đồng (mức phạt vi phạm là mức tối đa theo quy định của pháp luật). Trường hợp việc vi phạm hợp đồng và điều khoản này gây thiệt hại cho Ngân hàng thì Bên vay phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 6.7. Cung ứng vốn vay theo đúng Hợp đồng này.
- 6.8. Bồi thường thiệt hại cho bên vay do việc Ngân hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng này.
- 6.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay**

- 7.1. Được giải ngân đầy đủ theo Hợp đồng sau khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng.
- 7.2. Có quyền yêu cầu Ngân hàng bồi thường khi Ngân hàng vi phạm quy định tại Hợp đồng và/ “Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng” này .
- 7.3. Cung cấp cho Ngân hàng đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp. Sử dụng tiền vay đúng mục đích vay vốn đã cam kết.
- 7.4. Chấp hành mọi yêu cầu của Ngân hàng khi Ngân hàng thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng tiền vay, trả nợ và các thông tin khác của Bên vay.
- 7.5. Thanh toán Nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và các khoản phí (nếu có) đầy đủ và đúng thời hạn.
- 7.6. Thông báo bằng văn bản ngay lập tức cho Ngân hàng về các phát sinh, bất cứ sự kiện hoặc tình huống nào có thể gây ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.
- 7.7. Trường hợp Bên vay không rút hết số tiền vay đã ký tại Hợp đồng tín dụng trong thời hạn rút vốn, thì Bên vay sẽ phải chịu số tiền phạt theo mức quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 7.8. Trong trường hợp Bên vay vi phạm quy định các Hợp đồng và “Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng”, Ngân hàng áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận và theo quy định pháp luật để thu hồi nợ (không giới hạn ở biện pháp giải khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền), Bên vay phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình Ngân hàng thực hiện biện

pháp thu hồi nợ, bao gồm cả các chi phí khác có liên quan.

7.9. Ký nhận các thông báo do Ngân hàng gửi đến.

7.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 8. Các trường hợp bất khả kháng**

8.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép của các bên.

8.2. Các bên thỏa thuận rằng cả hai bên với nỗ lực cao nhất của mình sẽ tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

8.3. Trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì bên vay vẫn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng.

8.4. Trong trường hợp này, Bên vay được miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trong tình huống xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan

## **Điều 9. Các thỏa thuận khác**

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận. Bên nào không thực hiện đúng, đầy đủ các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng sẽ bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

9.2. Hình thức thông báo:

9.2.1. Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được gửi theo địa chỉ nêu trong hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn

bản và có chữ ký của người có thẩm quyền), nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu của bưu điện cơ sở nơi chuyển. Bên nhận coi như đã nhận được trong ... ngày làm việc, nếu chuyển trực tiếp thì việc nhận coi như được thực hiện khi ký nhận với Bên vay hoặc bộ phận hành chính văn thư của ngân hàng.

9.2.2. Ngân hàng thông báo cho Bên vay bằng hình thức sau: điện thoại, điện tín, điện báo, fax, thư điện tử, thư bảo đảm hoặc gửi thư trực tiếp đến cơ quan hoặc gia đình của Bên vay; người nhận thư có thể là người trong gia đình của Bên vay.

9.3. Bên vay thông báo cho Ngân hàng bằng hình thức sau: thư bảo đảm hoặc gửi thư trực tiếp đến trụ sở nơi làm việc của Bên vay.

9.4. “Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng” đính kèm này và các tài liệu có liên quan, và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

9.5. Mọi sự thay đổi, bổ sung Hợp đồng vay và/ “Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng” chỉ có giá trị khi có thỏa thuận bằng văn bản của hai bên (Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng), do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký, trừ trường hợp thay đổi lãi suất theo định kỳ (Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Bên vay). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.

9.6. Các bên thống nhất những nội dung chưa được thỏa thuận tại hợp đồng này sẽ thực hiện theo chính sách tín dụng, các quy định về cấp tín dụng của Ngân hàng phù hợp với quy định pháp luật.